

Bản án số: 77/2025/HS -ST
Ngày: 24/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Công
Ông Đặng Văn Đề

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Như Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HS 38/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HS ngày 17-9-2025 đối với bị cáo:

Phạm Thị Thúy M, sinh ngày 07-7-1972 tại Bắc Ninh; nơi cư trú: Ấp F, xã T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Phạm Văn D và con bà Đào Thị N; bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 04 anh em; bị cáo có chồng là Trương Văn Đ, có 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 1991, con lớn nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03-6-2025 theo Lệnh bắt để tạm giam số 1102/LB-VPCQCSĐT (BR) ngày 26-5-2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H). Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Bà Rịa (Có mặt).

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp A, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh.

3. Ông Trần Cao C, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Trần Quý D1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Trần Thị Hữu T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Lê Thị S, sinh năm 1957 (đã chết năm 2017)

Địa chỉ: Tổ E, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà S gồm:

- Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ B, khu phố B H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phạm Thu H2, sinh năm 1981; địa chỉ: B L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phạm Thị Cẩm N2, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ B, Khu phố B H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ C, ấp F, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Đặng Minh H3, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ E, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bị cáo có mặt; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Thúy M trước đây là nhân viên hợp đồng của phòng dạy nghề thuộc Trung tâm giáo dục , lao động và dạy nghề tỉnh B (nay là cơ sở cai nghiện ma túy số 6- Công an Thành phố H) từ ngày 10-6-2002. Đến ngày 30-11-2009, M bị trung tâm xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải.

Vào năm 2014, M có quen biết bà Lê Thị S, sinh năm 1957, do M thường hay đến mua hàng của bà Lê Thị S tại chợ H8, thành phố B. Khi làm quen với bà S, M tự xưng tên H4, đang làm ở Trung tâm giáo dục , lao động và dạy nghề

tỉnh B. Qua vài lần trò chuyện, M biết con rể bà S là Đặng Minh H3 chưa có việc làm nên đề nghị giúp H3 xin việc vào làm trong Trung tâm giáo dục, lao động và dạy nghề tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo yêu cầu của M, bà S đã đưa tiền nhiều lần cho M với tổng số tiền là 20.000.000 đồng để xin việc làm cho H3. Nguyễn Tiến H được biết thông tin có người giúp H3 xin việc làm nên đã xin số điện thoại của M thông qua H3 và đã tự trực tiếp liên hệ với M để xin việc làm cho người quen của H. M đã hứa xin việc giúp và nhận tiền của những người như sau:

- Trần Thị Q, sinh năm 1988; HKTT: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số tiền 30.000.000 đồng, M nhận tiền mặt vào ngày 26 và ngày 27-8-2014.

- Trần Cao C, sinh năm 1991, HKTT: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số tiền 28.000.000 đồng, M nhận tiền trực tiếp vào khoảng đầu tháng 08-2014 và một lần bị hại chuyển khoản vào tài khoản 0071002559516 thuộc Ngân hàng TMCP N4 đứng tên Nguyễn Thị Trúc L1.

- Trần Quý D1, sinh năm 1974, HKTT: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số tiền 28.000.000 đồng, M nhận tiền mặt trực tiếp 02 lần vào khoảng đầu tháng 8-2014.

- Nguyễn Văn L, sinh năm 1993, HKTT: thôn T, xã C, huyện T (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số tiền 31.000.000 đồng, M nhận tiền mặt trực tiếp vào khoảng cuối tháng 08-2014.

- Trần Thị Hữu T, sinh năm 1990, HKTT: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số tiền 41.000.000 đồng, M nhận tiền trực tiếp ba lần vào khoảng tháng 07-2014.

- Phạm Thị N1, sinh năm 1990, HKTT: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) với tổng số tiền 30.000.000 đồng trong một lần đưa trực tiếp và một lần **nộp tiền vào tài khoản 0071002559516 thuộc Ngân hàng TMCP N4 đứng tên Nguyễn Thị Trúc L1.**

- **Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963, HKTT: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thôn T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 20.000.000 đồng, M nhận thông qua Nguyễn Tiến H vào khoảng tháng 07-2014.**

- Nguyễn Tiến H với tổng số tiền 14.000.000 đồng được đưa trong nhiều lần vào khoảng tháng 07-2014 và tháng 8-2014.

Sau khi nhận số tiền 242.000.000 đồng của những người trên, M đã hẹn tất cả những người xin việc thông qua M có mặt tại Trung tâm giáo dục, lao động và dạy nghề tỉnh B vào ngày 04-9-2014 để nhận việc làm. Ngày 04-9-2014, các bị hại đến Trung tâm giáo dục, lao động và dạy nghề tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để nhận việc làm thì được trung tâm thông báo là không tuyển nhân sự, liên lạc với

M thì không được nên đã đến cơ quan Công an trình báo. M đã bỏ trốn và đến ngày 15-12-2015, M mới đến cơ quan công an làm việc.

Lời khai trong quá trình tố tụng M trình bày M gặp người đàn ông tên T1 (M khai T1 có các tên gọi khác là Hà Cảnh P, C1, H5) tại hội nghị giới thiệu sản phẩm sữa của một nhóm đa cấp kinh doanh. T1 giới thiệu là quản lý chi nhánh và giới thiệu bản thân Trung quen lãnh đạo của Trung tâm giáo dục, lao động và dạy nghề tỉnh B và hiện Trung tâm đang tuyển dụng 30 suất vào làm việc với chi phí xin việc mỗi suất là 20.000.000 đồng với mỗi hồ sơ xin việc mà M giới thiệu thì T1 sẽ cho M hưởng lợi 3.000.000 đồng/hồ sơ. Sau khi nhận tiền từ bị hại thì M đã đưa toàn bộ số tiền cho T1. Quá trình làm việc với các bị hại thì M sử dụng số điện thoại là 0967462399, còn các số điện thoại: 0933187069, 0933515475, 0938034625, 093 3931897 theo Mùì trình bày là của T1 đưa cho M để liên lạc với bị hại. Kết quả xác minh do Công ty D2 khu vực 8 cung cấp số điện thoại 0933187069 tên thuê bao Nguyen Ngoc H6; 0933515475 tên thuê bao Võ Huỳnh Tổ N3; 093 3931897 tên thuê bao Nguyễn Thị Ái Q1, 0938034625 tên thuê bao Đào Thị Hồng T2. Qua tra cứu, Phòng C2 về TTXH Công an tỉnh B không có thông tin đối với Nguyen Ngoc H6, Võ Huỳnh Tổ N3, Đào Thị Hồng T2; Nguyễn Thị Ái Q1 có nơi ở hiện tại là Tổ H, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Qua xác minh, Nguyễn Thị Ái Q1 không có mặt tại địa phương, bỏ đi đã lâu, không rõ nơi ở hiện tại. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm Mùì không cung cấp được thông tin, căn cứ xác định có hay không đối tượng tên T1 cũng như chứng minh việc M đã giao nhận tiền cho T1.

Đối với số tài khoản 0071002559516 thuộc Ngân hàng TMCP N4 đứng tên Nguyễn Thị Trúc L1 do M mượn của một người phụ nữ tên L1 ở cùng dãy trọ vào năm 2014. Qua làm việc thì L1 không biết việc M sử dụng tài khoản ngân hàng của L1 để nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về vật chứng, đồ vật tạm giữ: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Do có sự tác động của Phạm Thị Thúy M nên ông Trương Văn Đ là chồng của Phạm Thị Thúy M đã tự nguyện khắc phục, bồi thường tổng số tiền 246.000.000 đồng cho các bị hại, cụ thể: Bồi thường cho bà Nguyễn Thị S1 (do con rể Đặng Minh H3 nhận thay) 20.000.000 đồng, Trần Thị Q số tiền 30.000.000 đồng, Trần Cao C số tiền 30.000.000 đồng (gồm 28.000.000 đồng chiếm đoạt của C và cho thêm C 2.000.000 đồng), Trần Quý D1 số tiền 30.000.000 đồng (gồm 28.000.000 đồng chiếm đoạt của D1 và cho thêm D1 2.000.000 đồng), Nguyễn Văn L số tiền 31.000.000 đồng, Trần Thị Hữu T số tiền 41.000.000 đồng, Phạm Thị N1 số tiền 30.000.000 đồng, Nguyễn Thị H1 số tiền 20.000.000 đồng, Nguyễn Tiến H số tiền 14.000.000 đồng. Các bị hại gồm Nguyễn Tiến H, Trần Thị Q, Trần Cao C, Trần Quý D1 đã có đơn bãi nại, không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Thị Thúy M.

Tại Bản cáo trạng số: 151/CT-VKS ngày 22 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Thị Thúy M1 tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi quan điểm truy tố đề nghị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thúy M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên đối với tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc mức độ giảm nhẹ phù hợp với mức độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của M.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị Thúy M từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, không tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tư cách tố tụng:

Bị cáo M trực tiếp chiếm đoạt tiền từ Nguyễn Tiến H, Trần Thị Q Trần Cao C, Trần Quý D1, Nguyễn Thị S1 (mẹ vợ của Đặng Minh H3 – bà S1 đã chết năm 2017), Nguyễn Văn L, Trần Thị Hữu T, Phạm Thị N1, Nguyễn Thị H1 (mẹ ruột của Lưu Quốc H7) nên Hội đồng xét xử xác định những người trên là bị hại.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung đã khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khẳng định những lời

khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật, không bị ép cung, mớm cung hoặc nhục hình; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6-2014 đến tháng 9-2014, Phạm Thị Thúy M đã đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật, tự nhận mình tên H4, đang công tác tại Trung tâm giáo dục , lao động và dạy nghề tỉnh B, bản thân quen biết với lãnh đạo trung tâm và có khả năng xin việc tại trung tâm để chiếm đoạt tiền của các bị hại gồm Nguyễn Thị S1 (mẹ vợ của Đặng Minh H3), Trần Thị Q, Trần Cao C, Trần Quý D1, Nguyễn Văn L, Trần Thị Hữu T, Phạm Thị N1, Nguyễn Thị H1 (mẹ Lưu Quốc H7), Nguyễn Tiến H tổng số tiền 242.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của M trong khoảng thời gian từ tháng 6-2014 đến tháng 9-2014 là tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực. Qua so sánh Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì thấy hai điều luật bằng nhau, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, bị cáo đồng ý với tội danh mà Đại diện Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo nhận thức được hành vi thực hiện là vi phạm pháp luật nên bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Thị Thúy M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ thiệt hại của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo Phạm Thị Thúy M là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại là trái quy định của pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi lợi dụng nhu cầu cần việc làm của các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo M thực hiện nhiều lần hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại, các lần phạm tội đều trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự, bị cáo chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi chiếm đoạt tài sản của các bị hại thì bị cáo M bỏ trốn, đến cuối năm 2015 được sự vận động của gia đình thì bị cáo mới trình diện đồng thời trong quá trình điều tra, truy tố vì muốn đổ trách nhiệm cho P (người chưa rõ nhân thân lai lịch) và H nên có nhiều lời khai chưa đúng như việc khai đối với tài khoản ngân hàng dùng để nhận tiền của các bị hại mà M mượn từ chị Nguyễn Thị Trúc L1 là do P cung cấp, cung cấp lời khai cho rằng Nguyễn Tiến H muốn hưởng lợi nên yêu cầu bị cáo nói những bị hại số tiền cao hơn chi phí cần phải đưa để H hưởng lợi chênh lệch, tại phiên tòa sơ thẩm M khai quanh co về nhân thân của mình (về họ tên mẹ),....Tuy nhiên sau đó bị cáo M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên vẫn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nhưng Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho M ở mức phù hợp với mức độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải của M.

Bị cáo M đã tác động với gia đình để bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Một số bị hại có đơn xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*

Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động với gia đình bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt cho các bị hại, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] Nguyễn Thị Trúc L1 là chủ số tài khoản 0071002559516 tại Ngân hàng TMCP N4 là số tài khoản M sử dụng để yêu cầu các bị hại chuyển tiền; chị L1 không biết, không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của M nên cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định.

[8.2] Đối với đối tượng P (T1, C1) (không rõ nhân thân, lai lịch) theo M trình bày là người liên lạc với M và là người Mui giao số tiền chiếm đoạt từ các bị hại; các chủ thuê bao số điện thoại gồm Nguyen N, Võ Huỳnh Tố N3, Đào Thị Hồng T2; Nguyễn Thị Ái Q1 đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý theo quy định.

[9] Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 38; điểm b,s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thúy M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thúy M 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03-6-2025.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Phạm Thị Thúy M phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-9-2025), bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 12- TP.HCM;
- Công an TP.HCM (PV 06; PC10);
- Phòng THA DS KV 12- TP.HCM;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hoa